

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Tên ngành, nghề: Quản lý tài nguyên rừng

Mã ngành, nghề: 5620207

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THCS trở lên

Thời gian đào tạo: 02 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Trung cấp Quản lý tài nguyên rừng giúp người học biết tổ chức và thực hiện được việc đánh giá tài nguyên rừng, quản lý bảo vệ rừng nhằm xây dựng, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng; Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực thực hành nghiệp vụ quản lý bảo vệ tài nguyên rừng ở các đơn vị: Kiểm lâm, vườn Quốc gia, khu bảo tồn, doanh nghiệp Lâm nghiệp, các trang trại nông lâm nghiệp... Có kiến thức cơ bản về nghề nghiệp để tiếp tục học lên các bậc đào tạo cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức:

- Trình bày cấu tạo, hoạt động của máy GPS;
- Trình bày được các phương pháp xác định diện tích rừng;
- Liệt kê những lợi ích của rừng, những văn bản pháp luật cần thiết về quản lý bảo vệ và phát triển rừng để tuyên truyền cho người dân;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản trong công tác quản lý bảo vệ rừng; phòng, trừ sâu bệnh hại rừng; phòng cháy chữa cháy rừng; công tác quản lý, bảo tồn các loài động, thực vật quý, hiếm; công tác phát triển các loại rừng; quản lý khai thác lâm sản;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

* Về kỹ năng:

- Nhận biết được các loài động vật, thực vật rừng phổ biến, có giá trị kinh tế, có giá trị bảo tồn;
- Đo đạc được diện tích ngoài thực tế;
- Xác định được vị trí rừng trên bản đồ và ngoài thực tế;
- Sử dụng được GPS cầm tay trong việc xác định vị trí, tọa độ, diện tích của lô rừng đang thi công hoặc đang điều tra;

- Thực hiện được công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng;
- Thực hiện được một số bước công việc trong công tác quy hoạch phát triển tài nguyên rừng, quản lý rừng ở địa phương;
- Thực hiện được các bước công việc trong phòng trừ sâu bệnh hại vườn ươm, hại rừng;
- Thực hiện được các bước công việc trong phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương; các bước công việc cơ bản trong bảo tồn các loài động, thực vật rừng quý, hiếm; các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và phát triển rừng;
- Thực hiện các công việc khai thác lâm sản đúng quy trình kỹ thuật và đúng quy định của pháp luật;
- Khai thác được gỗ, lâm sản bằng cưa xẻng;
- Phát hiện một số hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác lâm sản, phát triển rừng theo đúng trình tự và đúng quy định của pháp luật;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần với nhóm;
- Thực hiện công việc đã định sẵn, xác định được hiệu quả công việc của mình theo kế hoạch phân công;
- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận trong công việc;
- Thích nghi tốt với những môi trường làm việc khó khăn, vất vả;
- Luôn hoàn thành tốt những công việc thường xuyên được giao.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Cắm mốc ranh giới các loại rừng;
- Phòng trừ sâu bệnh hại rừng;
- Phòng cháy chữa cháy rừng;
- Kỹ thuật chăm sóc động vật rừng;
- Trồng và chăm sóc rừng;
- Khai thác, chế biến lâm sản.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 24
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 55 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1170 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 374 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1001 giờ; Kiểm tra 50 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I. Các môn học chung		12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	GDQP&AN	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II. Các môn học cơ sở, chuyên môn		43	1170	280	853	37
II.1. Các môn học cơ sở		6	90	84	0	6
MH 07	Sinh thái rừng	2	30	28	0	2
MH 08	Thực vật rừng	2	30	28	0	2
MH 09	Động vật rừng	2	30	28	0	2
II.2. Các môn học chuyên môn		26	855	98	737	20
MH 10	Điều tra rừng	3	90	0	87	3
MH 11	Côn trùng và bệnh cây rừng	2	30	28	0	2
MH 12	Khai thác và vận chuyển lâm sản	2	30	28	0	2
MH 13	Quản lý lửa rừng	2	60	0	58	2
MH 14	Quản lý bảo vệ rừng	3	45	42	0	3
MH 15	Ứng dụng GIS trong Quản lý tài nguyên rừng	2	60	0	58	2
MH 16	Thực tập cơ sở:	2	90	0	88	2
	- Sinh thái rừng					
	- Thực vật rừng					
	- Động vật rừng					
MH 17	Thực tập chuyên môn 1:	2	90	0	88	2

	- Côn trùng và bệnh cây rừng					
MH 18	Thực tập chuyên môn 2:	2	90	0	88	2
	- Khai thác và vận chuyển lâm sản					
	- Quản lý lửa rừng					
	- Quản lý bảo vệ rừng					
MH 19	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
II. 3 Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp		5	75	70	0	5
MH 20	Đa dạng sinh học	3	45	42	0	3
MH 21	Nghiệp vụ hành chính kiểm lâm	2	30	28	0	2
II.4. Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 3 hướng chuyên ngành sau)		6	150	28	116	6
Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên rừng						
MH 22	Lâm sản ngoài gỗ	2	60	0	58	2
MH 23	Tin học ứng dụng trong Lâm nghiệp	2	60	0	58	2
MH 24	Trồng rừng phòng hộ	2	30	28	0	2
Chuyên ngành: Kỹ thuật lâm sinh						
MH 25	Kỹ thuật canh tác trên đất dốc	2	30	28	0	2
MH 26	Lâm học	2	60	0	58	2
MH 27	Xử lý thống kê toán học trong lâm nghiệp	2	60	0	58	2
Chuyên ngành: Kinh tế lâm nghiệp						
MH 28	Lập và quản lý dự án	2	60	0	58	2
MH 29	Marketing căn bản	2	60	0	58	2
MH 30	Quản trị doanh nghiệp	2	30	28	0	2
Tổng cộng:		55	1425	374	1001	50

4. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1 12(7,5)	Học kỳ 2 18(13,5)	Học kỳ 3 15(5,10)	Học kỳ 4 10(2,8)
GD Chính trị 2(2,0)	Sinh thái rừng 2(2,0)	Quản lý lửa rừng 2(0,2)	TC môn 2 2(0,2)
Pháp luật 1(1,0)	Thực vật rừng 2(2,0)	Quản lý bảo vệ rừng 3(3,0)	TC môn 3 2(2,0)
Giáo dục thể chất 1(0,1)	Động vật rừng 2(2,0)	Ứng dụng GIS trong Quản lý tài nguyên rừng 2(0,2)	TT tốt nghiệp 6(0,6)
GDQP – An ninh 2(1,1)	Khai thác và vận chuyển lâm sản 2(2,0)	Nghiệp vụ hành chính kiểm lâm 2(2,0)	
Tin học 2(1,1)	Điều tra rừng 3(0,3)	TT chuyên môn 1 2(0,2)	
Tiếng Anh 4(2,2)	Côn trùng và bệnh cây rừng 2(2,0)	TT chuyên môn 2 2(0,2)	
	Đa dạng sinh học 3(3,0)	TC môn 1 2(0,2)	
	TT cơ sở 2(0,2)		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Thực hiện các môn học trong chương trình đào tạo

- Các môn học chung bắt buộc: các khoa, bộ môn tổ chức giảng dạy theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;
- Chọn chuyên ngành và các môn tự chọn: Các khoa, bộ môn, CVHT-GVCN hướng dẫn HSSV chọn chuyên ngành phù hợp với bản thân, kèm theo các môn học theo hướng chuyên ngành đảm bảo đủ tối thiểu số tín chỉ quy định.
- Chọn các môn học thay thế: HSSV có thể lựa chọn các môn học thay thế quy định trong các môn học tự chọn của chương trình nhưng phải đảm bảo theo hướng chuyên ngành và có số tín chỉ không ít hơn số tín chỉ của môn học đã học;
- Thứ tự lựa chọn các môn học phải đảm bảo các môn học trước, các môn học tiên quyết quy định trong chương trình;
- Đảm bảo số tín chỉ tối thiểu và tối đa đối với từng trạng thái của HSSV trong thời điểm đăng ký môn học.

5.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia thực hành thực tập tại phòng thực hành, tại các địa điểm thực tế vào thời điểm cuối khóa và thực tập nghề nghiệp;
- Học tập chính trị đầu khoá; Học tập về Tám gương đạo đức Hồ Chí Minh; Tham gia phong trào Thanh niên tình nguyện; Kỹ năng tìm việc làm;
- Tổ chức các diễn đàn Thanh niên lập nghiệp, Phát triển kinh tế hộ gia đình, Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục sức khoẻ giới tính;
- Thời gian hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

5.3. Phương pháp giảng dạy

- Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của người học, trên cơ sở phát triển vốn kiến thức, kỹ năng mà người học đã tích lũy được. Khuyến khích giảng viên áp dụng các PPGD sáng tạo phát huy năng lực của cá nhân và nhóm, cần kết hợp giữa giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà với giải đáp, truyền thụ các kiến thức mới trọng tâm trên lớp, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kiến thức mới với củng cố, hệ thống hóa kiến thức. Thông qua các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ để phát hiện, bổ sung kiến thức thiếu cho người học.
- Giảng viên cần tạo môi trường học tập phù hợp với từng loại hình bài dạy, khuyến khích người học phát huy tối đa khả năng của cá nhân, đồng thời tạo cơ hội để phát triển năng lực tổ chức và hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Giảng viên cần cụ thể việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy trong kế hoạch bài học (giáo án).
- Đầu mỗi năm học khoa, bộ môn tổ chức cho giảng viên đăng ký các PPGD sẽ áp dụng trong năm học đối với từng môn học được phân công giảng dạy. Trên cơ sở phân công của bộ môn, giảng viên đăng ký đổi mới PPGD với

bộ môn và khoa trong đó cần cụ thể thời điểm đăng ký và thực hiện cải tiến PPGD trong năm học.

5.4. Hướng dẫn phương pháp đánh giá môn học

5.4.1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

5.4.2. Thi kết thúc môn học

- Cuối mỗi học kỳ nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hàng năm khoa, bộ môn tổng hợp hình thức thi kết thúc môn học trình Hiệu trưởng phê duyệt thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác được quy định trong chương trình chi tiết môn học;

- Nội dung thi hết môn học phải đảm bảo đánh giá người học đạt hay không đạt chuẩn đầu ra của môn học, đồng thời phân loại được người học. Giảng viên quy định rõ về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học đối với từng môn học trong đề cương môn học.

- Môn học được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm môn học đạt từ 4 trở lên theo thang điểm 10 tương ứng với điểm D theo thang điểm 4.

5.5. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

- Hoàn thành môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định;

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

5.6. Việc cập nhật kiến thức, kỹ năng, khoa học công nghệ vào chương trình đào tạo

- Hàng năm khoa, bộ môn tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập tại cơ sở như các cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã,...tổ chức lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng, nghiệm thu chương trình đào tạo.

- Giảng viên thực hiện việc cập nhật những tiến bộ của khoa học công nghệ trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khác có cùng ngành, nghề đào tạo; lựa chọn, tham khảo chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng trong khu vực và trên thế giới.

5.7. Các điều kiện đảm bảo chất lượng

(có phụ lục kèm theo: Trang thiết bị, nhà giáo, danh mục GTTL)

Phụ lục: Các điều kiện đảm bảo chất lượng tại tiểu mục 5.7, mục 5 hướng dẫn sử dụng chương trình (đính kèm chương trình đào tạo)

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01

- Số phòng thực hành: 02

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ trang bị bảo hộ lao động (Mỗi bộ bao gồm)		9
	- Ủng cao su	Đôi	3
	- Thảm cao su	Cái	3
	- Kính bảo hộ	Cái	3
	- Khẩu trang than hoạt tính	Cái	3
	- Găng tay bảo hộ	Đôi	3
	- Quần áo bảo hộ	Bộ	3
	- Mũ bảo hộ	Cái	3
2	Dụng cụ cứu thương (Mỗi bộ bao gồm)		14
	- Tủ cứu thương	Cái	2
	- Panh	Cái	2
	- Kéo	Cái	2
	- Băng băng	Túi	2
	- Côn sát trùng	Lọ	2
	- Băng dính y tế	Cuộn	2
	- Cáng cứu thương	Cái	2
3	Thước đo cao Blummiess	Cái	18
4	Thước kẹp kính bằng gỗ	Cái	18
5	Thước dây	Cái	18
6	Máy in Laser Canon LBP2900	Cái	01
7	Kính lúp	Cái	35
8	Thước panme	Cái	01
9	Mẫu gỗ	Bộ	05
10	Panh, kẹp	Bộ	18
11	Kính hiển vi điện tử hai mắt CxL, LABOMED	Cái	05
12	Ống nhòm đo khoảng cách Nikon Aculon AL11	Cái	18
13	Máy bẫy ảnh TK40	Cái	18
14	Máy chiếu Dell 1450	Bộ	01
15	Máy định vị cầm tay GPS Garmin GPSMAP 64	Bộ	01
16	Khoan tăng trưởng	Bộ	01
17	Máy phát dọn thực bì	Cái	01
18	Cân đồng hồ	Cái	01
19	Cân phân tích	Cái	01
20	Cưa xăng	Cái	02

21	Thuốc chữ A	Cái	35
22	Máy trộn hỗn hợp	Cái	01
23	Cân đồng hồ	Cái	01

2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của ngành, nghề: 21

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 1.7

c) Nhà giáo cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy	
A. Các môn chung						
1	Nguyễn Trọng chính	Đại học Luật	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		Pháp luật	
2	Trương Thị Xuân Hương	Đại học Triết học			GD Chính trị	
3	Trần Thị Bích Hạnh	Đại học Tiếng anh			Tiếng Anh	
4	Vũ Ngọc Anh	Đại học SP GD thể chất			Giáo dục thể chất	
5	Lương Văn Sơn	Thạc sỹ GD thể chất			Giáo dục quốc phòng – an ninh	
6	Hoàng Thị Nhất	Thạc sỹ Khoa học máy tính			Tin học	
B. Các môn chuyên môn						
1	Nguyễn Văn Đại	Ths. Lâm học				- Nghiệp vụ hành chính kiểm lâm - Trồng rừng phòng hộ
2	Nguyễn Văn Chuyên	Ths. Lâm học				- Giống cây rừng - Kỹ thuật canh tác trên đất dốc
3	Bùi Thị Thanh	Ks. Lâm học				- Điều tra rừng - Lâm học
4	Lê Thị Hạnh	Ths. Lâm học				- Sinh thái rừng - Xử lý thông kê toán học trong lâm nghiệp
5	Tô Thị Hồng Gấm	Ks. Chế biến lâm sản				- Khai thác và vận chuyển lâm sản - Khoa học gỗ
6	Hoàng Thị Nga	Ths. Công nghệ sinh học			- Côn trùng và bệnh cây rừng	

7	Chu Mạnh Tùng	Ks. Quản lý tài nguyên rừng			- Tin học ứng dụng trong Lâm nghiệp
8	Nguyễn Lương Thiện	Ths. Quản lý tài nguyên rừng			- Thực vật rừng - Động vật rừng
9	Vì Văn Toàn	Ths. Lâm học			- Quản lý lửa rừng
10	Hoàng Thị Hồng Nghiệp	Ts. Lâm học			- Đa dạng sinh học
11	Nguyễn Hoài Bắc	Ths. Lâm học			- Quản lý bảo vệ rừng
12	Chu Văn Tiệp	Ths. Lâm học			- Lâm sản ngoài gỗ
13	Lê Anh Tuấn	Ths. Kinh tế			Quản trị doanh nghiệp
14	Vũ Văn Chính	Ths. Kinh tế			Maketing căn bản
15	Lê Thị Vân Anh	Ths. Kinh tế			Lập và quản lý dự án

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình: Quản lý tài nguyên rừng; Trình độ đào tạo: Trung cấp; Thời gian đào tạo: 02 năm; Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THCS trở lên.

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của ngành/ngành: Quản lý tài nguyên rừng

TT	Tên môn học	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB
A	Các môn chung				
1	Giáo dục chính trị	Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
2	Pháp luật	Tài liệu dạy học môn Pháp luật	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
3	Giáo dục thể chất	Tài liệu dạy học môn GDTC	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
4	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	Tài liệu dạy học môn GDQP-AN	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
5	Tin học	Tài liệu dạy học môn Tin học	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
6	Tiếng Anh	Tài liệu dạy học môn Tiếng Anh	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
B	Các môn chuyên môn				
1	Sinh thái rừng	Sinh thái rừng	PGS.TS Hoàng Kim Ngũ, GS.TS Phùng Ngọc Lan	Nông nghiệp	2005
2	Khoa học gỗ	Khoa học gỗ	Lê Xuân Tình	Nông nghiệp HN	1998
3	Thực vật rừng	Thực vật rừng	Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyền	Nông nghiệp	2000

4	Động vật rừng	Giáo trình động vật rừng	Phạm Nhật, Đỗ Tuyết, Lê Mộng Chân	Trường ĐHLN	1992
5	Giống cây rừng	Giống cây rừng	GS.TS Lê Đình Khả, TS Dương Mộng Hùng	Nông nghiệp	2003
6	Điều tra rừng	Điều tra rừng	GS.PTS Vũ Tiên Hinh (chủ biên), PTS Phạm Ngọc Giao	Nông nghiệp	1997
7	Côn trùng và bệnh cây rừng	Côn trùng rừng	Trần Công Loanh, Nguyễn Thế Nhã	Nông nghiệp	1997
		Bệnh cây rừng	Trần Văn Mão	Nông nghiệp	1997
8	Khai thác và vận chuyển lâm sản	Khai thác vận chuyển lâm sản	Trịnh Hữu Trọng, Nguyễn Kim, Ngô Văn Chính	Nông nghiệp	2001
9	Quản lý lửa rừng	Lửa rừng	Bé Minh Châu và Phùng Văn Khoa	Nông nghiệp HN	2002
10	Quản lí bảo vệ rừng	QL bảo vệ rừng (tập 1,2)	Đặng Vũ Cẩn, Phạm Ngọc Hưng, Trần Văn Mão, Trần Công Loanh:	Trường ĐHLN	1992
11	Ứng dụng GIS trong Quản lý tài nguyên rừng	Hệ thống thông tin địa lý	Trần Thị Băng Tâm	Trường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội	2006
12	Đa dạng sinh học	Bài giảng Đa dạng sinh học	Phạm Nhật	Trường ĐH Lâm Nghiệp	2001
13	Nghiệp vụ hành chính kiểm lâm	Luật hành chính Việt Nam	Lưu Bình Nhưỡng	Công an nhân dân	2001
14	Lâm sản ngoài gỗ	Kỹ thuật gây trồng một số loại cây Lâm sản ngoài Gỗ	Nguyễn Viết Khoa	NXB Nông Nghiệp	2008
15	Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp	Giáo trình thực hành Microsoft Exel dùng cho các phiên bản 2016-2013-2010	Phạm Quang Hiền, Phạm Phương Hoa	Thanh niên	2017
16	Trồng rừng phòng hộ	Trồng rừng phòng hộ	Ngô Quang Đê, Nguyễn Hữu Vĩnh	Trường đại học lâm nghiệp	1993

17	Kỹ thuật canh tác trên đất dốc	Kỹ thuật canh tác trên đất dốc	Nguyễn Viết Khoa, Võ Đại Hải, Nguyễn Đức Thanh	Nông nghiệp	2008
18	Lâm học	Lâm sinh học	Phùng Ngọc Lan	Nông nghiệp	1986
19	Xử lý thống kê toán học trong Lâm nghiệp	Bài giảng Thống kê toán học trong lâm nghiệp	Bùi Mạnh Hưng	Trường Đại học Lâm nghiệp	2008
20	Lập và quản lý dự án	Thiết lập và Thẩm định dự án đầu tư	Phạm Thu Hà	Thống kê	2005
21	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Vũ Thế Phú	Thống Kê	2003
22	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị doanh nghiệp	GS.TS. Đồng Thị Thanh Phương	Thống Kê	2007

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

NGÀNH, NGHỀ: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Quản lý tài nguyên rừng trình độ trung cấp là ngành, nghề thực hiện các công việc kỹ thuật liên quan đến quản lý bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Các nhiệm vụ chính cần phải thực hiện: Thực hiện các bước công việc trong điều tra, theo dõi và phát triển nguồn tài nguyên rừng phục vụ cho công tác bảo vệ phát triển tài nguyên rừng; một số bước công việc trong quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp; các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động vào rừng, làm giàu rừng, xúc tiến tái sinh rừng; các biện pháp trồng, chăm sóc rừng; khai thác, chế biến lâm sản; biện pháp kỹ thuật trong công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng; thực hiện bước công việc trong bảo tồn và phát triển động thực vật rừng; thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia công tác quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng; hướng dẫn cho người dân xây dựng các biện pháp kỹ thuật trong trồng, chăm sóc rừng;

Sau khi tốt nghiệp có khả năng tổ chức, quản lý sản xuất ở cơ sở, đảm đương được công việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, biết tổ chức và thực hiện được việc đánh giá tài nguyên rừng và quản lý bảo rừng nhằm xây dựng, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng; có năng lực thực hành nghiệp vụ quản lý bảo vệ tài nguyên rừng ở các đơn vị: kiểm lâm, vườn quốc gia, khu bảo tồn, doanh nghiệp Lâm nghiệp, các trang trại nông lâm nghiệp và các cơ quan và tổ chức khác, đồng thời có khả năng tiếp tục học tập lên các trình độ cao hơn;

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 1425 giờ tương đương 55 tín chỉ.

2. Kiến thức

- Trình bày cấu tạo, hoạt động của máy GPS;
- Trình bày được các phương pháp xác định diện tích rừng;
- Liệt kê những lợi ích của rừng, những văn bản pháp luật cần thiết về quản lý bảo vệ và phát triển rừng để tuyên truyền cho người dân;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản trong công tác quản lý bảo vệ rừng; phòng, trừ sâu bệnh hại rừng; phòng cháy chữa cháy rừng; công tác quản lý, bảo tồn các loài động, thực vật quý, hiếm; công tác phát triển các loại rừng; quản lý khai thác lâm sản;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

3. Kỹ năng

- Nhận biết được các loài động vật, thực vật rừng phổ biến, có giá trị kinh tế, có giá trị bảo tồn;

- Đo đạc được diện tích ngoài thực tế;
- Xác định được vị trí rừng trên bản đồ và ngoài thực tế;
- Sử dụng được GPS cầm tay trong việc xác định vị trí, tọa độ, diện tích của lô rừng đang thi công hoặc đang điều tra;
- Thực hiện được công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng;
- Thực hiện được một số bước công việc trong công tác quy hoạch phát triển tài nguyên rừng, quản lý rừng ở địa phương;
- Thực hiện được các bước công việc trong phòng trừ sâu bệnh hại vườn ươm, hại rừng;
- Thực hiện được các bước công việc trong phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương; các bước công việc cơ bản trong bảo tồn các loài động, thực vật rừng quý, hiếm; các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và phát triển rừng;
- Thực hiện các công việc khai thác lâm sản đúng quy trình kỹ thuật và đúng quy định của pháp luật;
- Khai thác được gỗ, lâm sản bằng cưa xẻng;
- Phát hiện một số hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác lâm sản, phát triển rừng theo đúng trình tự và đúng quy định của pháp luật;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần với nhóm;
- Thực hiện công việc đã định sẵn, xác định được hiệu quả công việc của mình theo kế hoạch phân công;
- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận trong công việc;
- Thích nghi tốt với những môi trường làm việc khó khăn, vất vả;
- Luôn hoàn thành tốt những công việc thường xuyên được giao.

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm: Cắm mốc ranh giới các loại rừng; Phòng trừ sâu bệnh hại rừng; Phòng cháy chữa cháy rừng; Kỹ thuật chăm sóc động vật rừng; Trồng và chăm sóc rừng; Khai thác, chế biến lâm sản.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Quản lý tài nguyên rừng trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

- Chương trình Lâm học trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam.

- Chương trình Lâm sinh trường Đại học Tây Bắc.

- Chương trình Lâm sinh trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.